

SỨC SỐNG CHO SỰ TỒN TẠI CỦA DI SẢN VIỆT NAM

PHẠM SANH CHÂU*

Tột di sản muốn phát huy giá trị của mình thì trước hết, di sản ấy phải tồn tại. Di sản ấy muốn tồn tại thực sự thì cần phải được mọi người thừa nhận giá trị của nó. Mà giá trị này thường được xác định qua một danh hiệu cao quý.

Trên thế giới, nhất là ở Việt Nam hiện nay, danh hiệu di sản của UNESCO đã và đang đóng vai trò vô cùng quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Với chức năng công nhận danh hiệu danh giá nhất trên thế giới, UNESCO đã góp phần làm sống lại và nâng cao hình ảnh cho di sản của đất nước Việt Nam.

Danh hiệu UNESCO rất uy tín bởi vì, UNESCO là Tổ chức chuyên môn duy nhất trong hệ thống Liên Hợp Quốc được giao chức năng này. UNESCO lại xây dựng được mạng lưới chuyên gia ở khắp nơi cùng các tiêu chí xét duyệt khắt khe thông qua các văn bản pháp lý như Công ước, Tuyên bố, Chương trình... và cuối cùng là luôn có 1 Hội đồng được hình thành với các tiêu chí khác nhau để xem xét có hay không công nhận một di sản. Vì vậy, khi đạt được danh hiệu của UNESCO, di sản sẽ khẳng định được vị thế của mình trên phạm vi toàn cầu.

Một điều đáng tự hào là, hiện nay, rất nhiều di sản của Việt Nam đã được UNESCO công nhận. Đó là 6 di sản vật thể (văn hoá - thiên nhiên thế giới) gồm: Cố đô Huế (1993), Vịnh

Hạ Long (1994, 2000), Khu Đô thị cổ Hội An (1999), Di tích Mỹ Sơn (1999), Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2003), Khu Trung tâm Hoàng Thành - Thăng Long (2010); 5 di sản văn hoá phi vật thể là Nhã nhạc Cung đình Huế (2003), Không gian Văn hoá Cổong chiêng Tây Nguyên (2005), Hát Quan họ Bắc Ninh, Ca trù (2009) và Hội Gióng (2010) và 2 di sản tư liệu (Mộc Bản Triều Nguyễn và Bia Tiến sĩ Văn Miếu). Bên cạnh các di sản mang tính văn hoá - thiên nhiên - tư liệu, Việt Nam cũng đạt danh hiệu ở lĩnh vực khoa học, với 08 khu dự trữ sinh quyển (Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ, châu thổ đồng bằng sông Hồng, Cát Bà, Kiên Giang, Tây Nghệ An, Cù lao Chàm, Mũi Cà Mau và Công viên Địa chất) và loại hình mới nhất là công viên địa chất (Cao nguyên đá Đồng Văn - 2010), 3 thành viên của Câu lạc bộ Vịnh đẹp nhất thế giới (Hạ Long, Lăng Cô và Nha Trang) cùng 1 thành phố vì hoà bình (Hà Nội).

Kể từ khi được UNESCO công nhận, công tác bảo tồn các di sản này đã được nâng cao đáng kể. Với sự nhìn nhận, các di sản này không còn là tài sản riêng của địa phương mà đã trở thành tài sản chung của nhân loại, nên các di sản này được quan tâm nhiều hơn, có nhiều điều kiện hơn để có thể bảo tồn và phát huy giá trị cao quý của mình.

Khẳng định sự tồn tại

Mọi di sản đều có nguy cơ mai một hay mất đi hàng ngày, hàng giờ. Trong sự mất đi ấy, sự quên lãng của con người là một trong những nguyên nhân hàng đầu. Trên thế giới,

rất nhiều di sản đã bị biến mất bởi sự chôn vùi của quên lãng. Phải thật may mắn, một di sản mới được "trở lại" nhờ sự phát hiện tình cờ của con người hay thiên nhiên, như một trong những điển hình là việc bảo cát làm xuất hiện tượng đá thời La Mã tại bờ biển Israel. Tuy nhiên những phát hiện tình cờ như vậy rất hy hữu và hiếm hoi.

Tại Việt Nam, có di sản bị mất đi cũng bởi sự quên lãng. Nhiều di sản có giá trị nhưng do không được mọi người quan tâm và không đầu tư bảo tồn, phát huy giá trị một cách thích đáng nên đã bị mai một và ít được biết đến. Ngay cả ở những di sản đang tồn tại cũng bị sự quên lãng hoặc huỷ hoại do vô tình hay hữu ý của con người, khiến cho nó xuống cấp và thoái hóa một cách nghiêm trọng. Trước thực tế nghiệt ngã như vậy, với một di sản, khi được UNESCO công nhận, đó sẽ là cơ hội để có thể sống lại trong tiềm thức mọi người cũng như khẳng định sự tồn tại của mình. Chỉ có những di sản mang nét văn hóa, truyền thống hay đặc trưng của một đất nước và có giá trị nổi bật toàn cầu mới được tổ chức chuyên môn này thừa nhận. Nhờ đó, mọi người nhận thấy, cần phải bảo vệ khẩn thiết những di sản này. Những trường hợp nói về vai trò của danh hiệu UNESCO đối với việc khẳng định sự tồn tại của di sản Việt Nam có thể thấy ở Di tích Cố đô Huế, Di tích Mỹ Sơn, Hát Ca trù... Những di sản loại này, nếu không có sự công nhận của UNESCO, rất nhiều khả năng bị mai một và thậm chí mất đi bởi không phải ai cũng được biết đến sự hiện diện của chúng. Đối với trường hợp Khu Trung tâm Hoàng Thành - Thăng Long, nếu như không trở thành di sản thế giới, có thể, nơi đây sẽ chỉ được biết đến như dấu ấn khảo cổ quá khứ thay vì biểu tượng là trung tâm quyền lực chính trị của một đất nước với truyền thống lịch sử huyền thoại. Ngoài ra, ở một số trường hợp khác như, Nhã nhạc Cung đình Huế, Công chiêng Tây Nguyên, Cao nguyên đá Đồng Văn... danh hiệu UNESCO đã giúp các di sản này khẳng định vai trò nổi bật, đóng góp vào hình ảnh của đất nước tươi đẹp với nền văn hóa độc đáo.

Nâng cao ý thức bảo vệ di sản

Việc lựa chọn giữa bảo tồn và phát triển luôn là bài toán học búa và luôn hiện hữu. Làm sao để vừa bảo vệ được di sản, di tích mà

không cản trở sự phát triển chung của kinh tế-xã hội. Đặc biệt, khi việc mở rộng khai thác tài nguyên, tiềm năng nhằm phục vụ phát triển chung của xã hội đang diễn ra khá mạnh, thì đạt được sự cân bằng này càng khó khăn. Điều này có nghĩa rằng, có những di sản sẽ có nguy cơ bị phá bỏ, biến dạng hay khai thác quá mức bởi quá trình phát triển.

Khi được UNESCO công nhận, một di sản sẽ nhận được nhiều sự quan tâm lớn về nhiều mặt của chính phủ, cộng đồng sở hữu di sản cũng như cộng đồng quốc tế. Ý thức bảo vệ di sản ấy cũng tăng cao. Bởi vì, khi được công nhận, các di sản sẽ tạo tiếng vang trong xã hội, làm mọi người đều cảm thấy tự hào với thế giới về đặc trưng văn hoá do cha ông ta để lại hay những món quà vô giá mà tạo hoá dành cho đất nước mình. Bên cạnh đó, các di sản khi được công nhận đã không còn bó hẹp trong biên giới quốc gia mà đã bước ra phạm vi thế giới. Việc bảo vệ di sản lúc này cũng phải tuân theo "luật chơi chung" của cộng đồng quốc tế. Di sản sẽ được nhìn nhận một cách đúng đắn và luôn nhận được những nỗ lực bảo vệ của tất cả mọi người.

Tại Việt Nam, nhiều di sản, dù đã được công nhận hay đang xây dựng hồ sơ để đệ trình UNESCO công nhận là di sản thế giới, đều nhận được sự quan tâm sâu sắc từ các cấp lãnh đạo đến mọi tầng lớp nhân dân. Nhận thức về việc bảo vệ các giá trị cao quý của tạo hoá thiên nhiên cũng như công sức của thế hệ đi trước được nâng cao rất nhiều. Có lẽ ít vấn đề được cộng đồng nhân dân và dư luận quan tâm và được báo chí đưa tin nhanh, nhiều và liên tục như vấn đề di sản. Vì vậy, di sản có điều kiện được bảo vệ và phát huy giá trị một cách cao nhất.

Trường hợp điển hình đầu tiên là Hoàng Thành - Thăng Long. Kể từ khi phát lộ và được làm hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới, công tác bảo tồn và tôn tạo được đẩy mạnh. Trong quần thể di tích, các công trình làm ảnh hưởng đến tính nguyên vẹn của Hoàng Thành đã được giải tỏa. Hoạt động nghiên cứu, phát lộ các giá trị được tăng cường. Công tác quản lý cũng được thống nhất và đẩy mạnh. Những hoạt động này được các cấp lãnh đạo, học giả cùng toàn thể xã hội quan tâm, theo dõi rất sát sao và tin vui Khu

Hoàng Thành- Thăng Long được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới, thực sự làm nức lòng nhân dân cả nước đúng dịp Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Một trường hợp cụ thể khác là Vịnh Hạ Long. Kể từ khi được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, lãnh đạo các cấp của tỉnh Quảng Ninh và Trung ương đã ra nhiều văn bản pháp lý nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của Vịnh, như Nghị quyết 09/TU về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Vịnh Hạ Long. Cùng việc ban hành văn bản pháp lý để bảo vệ, các hoạt động nâng cao nhận thức người dân được tăng cường mà nổi bật là việc triển khai mô hình khoá học "Con thuyền sinh thái" với những lớp học ngoại khoá về môi trường. Công tác bảo vệ môi trường nơi đây còn được người dân ủng hộ với những hoạt

động như, tự nguyện thu gom rác trên biển hay ký cam kết bảo vệ di sản với Ban Quản lý Vịnh. Đối với Di tích Cố đô Huế, ngay sau khi trở thành di sản văn hoá thế giới, Nhà nước đã đưa ra

chính sách đầu tư để bảo tồn di tích, với Nghị Quyết 105 của Thủ tướng Chính phủ, được phê duyệt vào ngày 12/06/1996.

Vừa qua, Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân cũng đã ký Quyết định 818, vào ngày 07/06/2010 quyết định đầu tư cho công tác

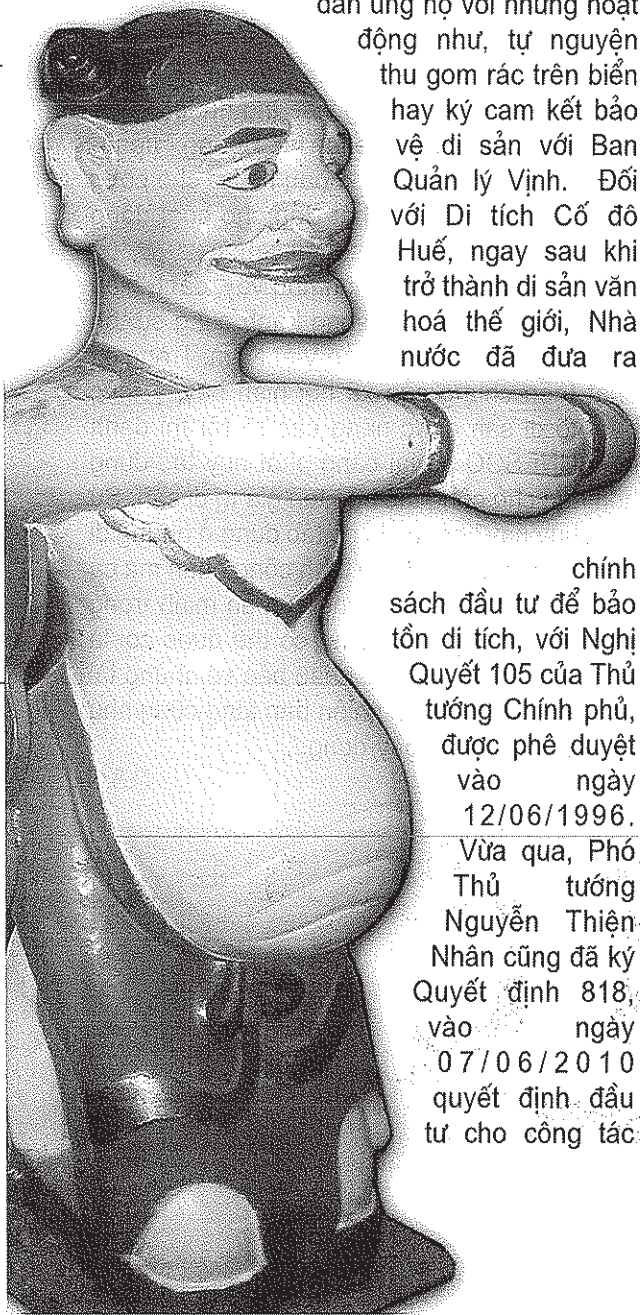
bảo tồn Di tích Cố đô Huế với tổng giá trị 2900 tỉ đồng. Sự quan tâm của Chính phủ đối với công tác bảo vệ di sản cũng được thấy ở Phong Nha - Kẻ Bàng. Với quyết định tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng như sân bay, đường quốc lộ, cho phép mở trường Đại học tại Đồng Hới, nâng cấp đô thị và hàng năm, Chính phủ hỗ trợ nguồn ngân sách khoảng 10 - 12 tỉ đồng cho công tác bảo vệ và bảo tồn nơi đây.

Đối với di sản văn hoá phi vật thể, công tác bảo tồn cũng không kém phần sôi động. Với những di sản ở thể loại này, danh hiệu UNESCO có thể được coi là sức bật cho các nỗ lực bảo vệ và tôn vinh giá trị truyền thống. Nổi bật như với Quan họ Bắc Ninh và Hát Ca trù. Sau khi trở thành di sản văn hóa phi vật thể của thế giới, Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách bảo tồn và thực hiện các cam kết với UNESCO như triển khai tư liệu hoá và vinh danh nghệ nhân. Xa hơn như Nhã nhạc Cung đình Huế, kể từ khi được công nhận, di sản này được bảo vệ với nhiều dự án như tư liệu hoá di sản, lên hợp âm và đặc biệt là truyền dạy cho thế hệ trẻ. Đây là điều chưa từng có bởi Nhã nhạc vốn là loại hình âm nhạc chỉ dành riêng cho cung đình. Ngày nay, Nhã nhạc được nhìn nhận như giá trị tinh thần, tinh hoa văn hoá của cả dân tộc Việt Nam.

Song hành cùng di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, các khu dự trữ sinh quyển của Việt Nam cũng nhận được sự quan tâm bảo vệ của các tầng lớp xã hội sau khi trở thành Khu dự trữ sinh quyển Thế giới. Tại các khu dự trữ sinh quyển này, cùng với việc xây dựng quy chế gìn giữ giá trị, lãnh đạo các cấp của địa phương đến Ban Quản lý đã triển khai nhiều hoạt động kết hợp giữa phát triển kinh tế xã hội với bảo vệ môi trường như, Chương trình nâng cao ý thức trong cộng đồng, phát triển bền vững, Mô hình làng kinh tế - sinh thái... Đáng chú ý là mô hình Việt Nam kết hợp bảo tồn khu dự trữ sinh quyển phục vụ phát triển bền vững đã được Liên Hợp Quốc chọn để nhân rộng toàn phạm vi quốc tế.

Tạo nguồn lực để bảo tồn

Tại Hội nghị Di sản Thế giới lần thứ 33, 08/2009 tại Seville, Tây Ban Nha, một kết luận được đưa ra là, tính trung bình mỗi danh hiệu di sản thế giới của UNESCO sẽ đem lại khoản ngân sách 500 triệu USD và 10 triệu lượt du



khách thăm quan cho mỗi quốc gia. Tại Việt Nam, các di sản UNESCO đã tạo ra những bước tăng đột biến về du lịch. Điều này có thể thấy ở việc khu Trung tâm Hoàng Thành - Thăng Long đã đón hơn 300 nghìn lượt khách trong nước và quốc tế, chỉ trong hai ngày từ ngày 02 - 04/10/2010, sau khi đã được công nhận là di sản thế giới. Cũng có thể thấy ở Cao nguyên đá Đồng Văn của Hà Giang. Chỉ khoảng hơn 1 tháng sau khi trở thành công viên địa chất thế giới, lượng du khách tới đây đã tăng 200%, với hơn 32 nghìn du khách. Khi hồ sơ Công viên đá Đồng Văn đang được xem xét thì tờ báo danh giá New York Times đã đưa tin rất kỹ về khu vực này và ngay sau đó, Chủ tịch Hội Lữ hành Thế giới đã đến Đồng Văn để thăm và tìm hiểu cơ hội phát triển du lịch.

Tăng trưởng mạnh về du lịch đem lại nguồn thu không nhỏ cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương mà còn cho cả công tác bảo tồn di sản. Nhờ vào nguồn ngân sách này, các địa phương, Ban Quản lý di sản có được điều kiện bảo tồn tốt nhất. Một trong những trường hợp điển hình như Di tích Cố đô Huế. Với sự tăng trưởng mạnh về du lịch (năm 1994, doanh thu đạt khoảng 200 triệu đồng đến năm 2010 này đạt 75 tỉ đồng), Ban Quản lý đã dành 40% cho công tác bảo tồn, khoản còn lại dành cho nghiên cứu và các hoạt động khác. Hay trường hợp Hạ Long. Năm 2010, nơi đây đã đón 2,8 triệu du khách với doanh thu đạt 94 tỉ đồng, trong đó 45 % được dành cho công tác duy tu, bảo tồn. Đối với Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, toàn bộ doanh thu 12 tỉ đồng từ hoạt động du lịch đã được dành cho công tác bảo tồn và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Mặc dù không phải là cơ quan cung cấp tài chính, nhưng danh hiệu của UNESCO là động lực, chất xúc tác để di sản có thể thu hút được

nguồn tài trợ từ các tổ chức hay dự án khác. Ví dụ như, khoản tài trợ cho việc bảo tồn phố cổ Hội An (Quỹ Ủy thác Nhật Bản) với tổng số tiền là 200.000 USD (1993 - 2003); tài trợ cho Trung tâm Văn hóa nổi Cửa Vạn, Hạ Long (Quỹ Ủy thác Na Uy) với số tiền 519.000 USD; Dự án hợp tác 3 bên Việt Nam - UNESCO - Italy về trùng tu Di tích Mỹ Sơn (2004 - 2006) với tổng số tiền là 812.000 USD. Một ví dụ khác là, Đại học Waseda, Nhật Bản hỗ trợ bảo tồn Cố đô Huế với tổng giá trị 3 triệu USD dành cho các hoạt động như nghiên cứu, trang thiết bị. Di sản này cũng nhận được các khoản hỗ trợ khác từ tổ chức quốc tế của Đức (45000 Euro) và Hàn Quốc nhằm phục hiện công trình trên thiết kế 3D hay trưng bày cổ vật. Bên cạnh Di tích Cố đô Huế, Nhã nhạc Cung đình Huế cũng nhận được nhiều khoản hỗ trợ đáng kể mà điển hình là dự án bảo tồn thông qua Quỹ Ủy thác của Nhật Bản, với giá trị 154000 USD. Nổi bật không kém trong việc thu hút sự quan tâm của tổ chức quốc tế là việc Hoàng Thành - Thăng Long nhận được khoản hỗ trợ cho công tác 1,2 triệu USD từ Nhật Bản cho hoạt động nâng cao năng lực bảo tồn di sản.

Với những vai trò to lớn như vậy, danh hiệu Di sản UNESCO luôn song hành cùng sự tồn tại và phát triển của di sản Việt Nam. Trong sự phát triển chung của xã hội hiện nay, ý thức bảo vệ di sản được nâng cao rõ rệt thì danh hiệu UNESCO sẽ lại càng phát huy tác dụng hơn nữa cho công tác bảo tồn giá trị di sản. Sự phát huy này không chỉ có tác dụng ở những di sản đã và đang được đề trình công nhận mà cả những di sản có tiềm năng còn ẩn mình trong các địa phương. Đây cũng có thể được coi là động lực để tất cả cùng nhau bảo vệ những tài sản quý báu do thiên nhiên ban tặng cũng như thể hệ đi trước đã gây dựng./.

D.&C

